TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐĂK LĂK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2023/HC-ST
Ngày: 24 - 02 - 2023
Về việc: Kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Sâm

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Cù Thị Lan

2. Bà Bùi Thị Kim Nga

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Trần Ái Vân - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Hải Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử công khai vụ án hành chính sơ thẩm thụ lý số 161/2022/TLST- HC ngày 10/10/2022 về việc "Kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 153/2022/QĐST-HC ngày 28 tháng 12 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2023/QĐST-HC ngày 10/01/2023 và Thông báo lịch mở phiên tòa số 02/TB-TA ngày 06/02/2023 giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Ông Nguyễn Đình T, sinh năm 1966; Nơi ĐKHKTT: Buôn K, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

Tạm trú: Liên gia 1, tổ dân phố 7, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

+ Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phan Thị L, sinh năm 1963; Địa chỉ: 29 P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

- *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Địa chỉ: Số 01 L, phường TL, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Văn H, chức vụ: Chủ tịch UBND thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

- *Người đại diện theo uỷ quyền của ông Vũ Văn H*: Ông Lê Đại T1, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B, Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột:* Ông Võ Quang H, chức vụ: Phó giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B, Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1971; Địa chỉ: 18 N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, Có mặt.

+ Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phan Thị L, sinh năm 1963; Địa chỉ: 29 P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Người đại diện theo ủy quyền của khởi kiện bà Phan Thị Ltrình bày:

Năm 1998 bà Nguyễn Thị V vợ ông T có ký hợp đồng liên kết trồng cà phê với Công ty cà phê B tại hợp đồng số 313/HĐKT ngày 1/7/1998 đến 31/12/2020 với diện tích 2.650 m^2 và diện tích đo đạc thực tế là 2.737,2 m^2. Do mâu thuẫn vợ chồng nên ngày 27.8.2012 ông T và bà V ly hôn. Sau khi ly hôn bà V đã giao toàn bộ diện tích đất và tài sản nhà cửa trên đất để ông T trực tiếp quản lý sử dụng.

Theo quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 4/1/2017 của UBND Tỉnh Đắk Lắk thu hồi toàn bộ diện tích đất trên ông T, bà V để xây dựng cơ sở hạ tầng dọc hai bên đường N19 (giải phóng nối dài) từ N đến Bùng Binh Km5 quốc lộ 26 Thành phố B.

Tháng 11/2020 Ủy Ban nhân dân thành phố B ra quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất nhưng gia đình bà V không nhận được quyết định trên mà chỉ nhận được bảng tính chi tiết bồi thường của trung tâm phát triển quỹ đất và báo ông T đến nhận số tiền bồi thường tổng cộng là 309.989.242 đồng và ông T đã nhận số tiền trên.

Ngoài ra ông T chưa nhận được các khoản bồi thường khác theo quy định của pháp luật bao gồm:

1. Tiền hỗ trợ chi phí đầu tư vào đất còn lại 10% theo quy định tại Điều 76 Luật đất đai năm 2013.

2.Tiền hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất: Theo quy định tại điểm d khoản 1; điểm a khoản 3 và khoản 5 Điều 19 nghị định 47/ 2014 của Chính Phủ.

3. Tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp tìm kiếm việc làm: Theo điểm b khoản 2 Điều 83; Điều 84 Luật đất đai năm 2013 điểm a khoản 1 Điều 20 Nghị Định 47/2014/NĐ-CP của Chính Phủ ngày 15.5.2014 và khoản 3 Điều 23 Quyết định số 39/2014 ngày 10/11/2014 của UBND tỉnh Đắk Lắk . Ông T và bà V đã ly hôn từ ngày 27.8.2012, ông T được quyền quản lý sử dụng tài sản trên từ năm 2012 nghề nghiệp của ông T là làm nông nên yêu cầu xem xét cho ông T.

4. Hỗ trợ tiền di dời và thuê nhà ở: Theo quy định tại khoản 3 Điều 12 hiện tại gia đình ông T có nhà ở trên đất phải di dời và chờ cấp đất tái định cư nhưng không được hỗ trợ tiền di dời đi nơi khác và Hỗ trợ tiền thuê nhà trong thời gian chờ tạo lập chỗ ở mới là chưa đúng với quy định tại khoản 3 Điều 12 và Điều 16 nghị định 27/2019 ngày 19.12.2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

5. Hỗ trợ tái định cư: Theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Quyết định số 27/QĐ-UBND tỉnh Đắk Lắk ngày 19.12.2019 thì gia đình tôi được hỗ trợ đất tái định cư nhưng đến nay chúng tôi vẫn chưa nhận được thông báo.

Trong khi đó tại khoản 1 Điều 26 nghị định 47 của chính phủ có quy định về lập và thực hiện dự án tái định cư:

Việc lập và thực hiện dự án tái định cư quy định tại Điều 85 của Luật Đất đai được thực hiện theo quy định như sau đây:

1. Dự án tái định cư được lập và phê duyệt độc lập với phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư nhưng phải bảo đảm có đất ở, nhà ở tái định cư trước khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định thu hồi đất.

Nhưng đến nay ông T vẫn chưa nhận được thông tin gì về việc cấp đất tái định cư và đang ở trên căn nhà tạm tại khu đất đang bị thu hồi

Do Ủy ban nhân dân thành phố B phê duyệt phương án bồi thường chưa đúng khi thu hồi đất nên ông T yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xem xét giải quyết hủy một phần Quyết định số 7873 ngày 09/11/2020 UBND thành phố B giải quyết về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất cho gia đình ông. Buộc Uỷ ban nhân dân thành phố B xem xét ban hành lại Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông theo đúng qui định của pháp luật.

2. Tại bản tự khai đề ngày 21/11/2022 ông Lê Đại T1 - Đại diện theo ủy quyền của người bị kiện UBND thành phố B trình bày:

1. Căn cứ pháp lý:

Căn cứ Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 04/01/2017 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc thu hồi 5.138.059,7m^2 đất tại các phường: T, N, TL, A, L, H và xã E, thành phố B của Công ty TNHH MTV cà phê B; giao diện tích 897.744,7m^2 đất trong tổng số diện tích đất thu hồi nêu trên cho Trung tâm phát triển quỹ đất Đắk Lắk quản lý, lập phương án sử dụng đất theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và quy định của pháp luật; giao diện tích 4.240.315m^2 đất còn lại cho UBND thành phố B quản lý, lập phương án sử dụng đất theo quy hoạch và quy định của pháp luật;

Căn cứ Quyết định số 1940/QĐ-UBND ngày 21/4/2017 của UBND thành phố về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500 dọc hai bên đường N19 (đường G nối dài), đoạn từ N đến bùng binh Km5, Quốc lộ 26 thành phố B;

Ngày 09/11/2020, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 7873/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu đất dọc hai bên đường Giải Phóng, đoạn từ N đến bùng binh km5, Quốc lộ 26, thành phố B (đợt 1).

2. Đối với đơn khởi kiện của ông Nguyễn Đình T: Khởi kiện hành chính về việc bồi thường, hỗ trợ nhà và đất được phê duyệt tại Quyết định số 7873/QĐ-UBND ngày 09/11/2020 của UBND thành phố B.

- Về nguồn gốc đất: Đất hộ bà Nguyễn Thị V đang sử dụng là đất Nhà nước giao cho Công ty TNHH MTV cà phê B quản lý. Công ty TNHH MTV cà phê B ký Hợp đồng liên kết sản xuất cà phê với hộ bà Nguyễn Thị V theo Hợp đồng số 313/HĐKT tại *(Thửa đất số 46; Tờ bản đồ số 6)* phường Lvới diện tích đất 2.650m^2 (*thời hạn hợp đồng từ ngày 01/7/1998 đến ngày 31/12/2020*). Diện tích đo đạc theo hiện trạng 2.737,2m^2, lớn hơn diện tích hợp đồng là 87,2m^2 do trước đây Công ty TNHH MTV cà phê B ký hợp đồng đã trừ diện tích bờ lô.

Ngày 04/01/2017, UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 07/QĐ-UBND V/v thu hồi 5.138.059,7m^2 tại các phường: T, N, L, A, TL, H và xã E thành phố B của Công ty TNHH MTV cà phê B; Giao diện tích 4.240.315m^2 cho UBND thành phố B quản lý, lập phương án sử dụng đất, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và quy định của pháp luật *(Tại địa bàn phường A với diện tích đất là: 280.808m^2);*

Căn cứ Khoản 2, Điều 82 Luật Đất đai năm 2013 "*Trường hợp Nhà nước thu hồi đất không được bồi thường về đất: Đất được Nhà nước giao để quản lý*". Như vậy, diện tích đất 2.737,2m^2 thu hồi của hộ bà Nguyễn Thị V là đất Nhà nước giao cho Công ty TNHH MTV cà phê B quản lý, nay Nhà nước thu hồi đất thì hộ bà Nguyễn Thị V không đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ về đất mà chỉ được bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại theo "*Khoản 2, Điều 1 Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND, ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đăk Lăk".*

- Bồi thường, hỗ trợ nhà và vật kiến trúc:

Theo Biên bản xác minh nguồn gốc đất ngày 13/7/2020, Biên bản đánh giá chất lượng còn lại ngày 07/11/2019, Nhà và vật kiến trúc của hộ bà Nguyễn Thị V xây dựng năm 1998 nên được xem xét hỗ trợ 80 % giá T theo quy định tại *"Điểm 4b, Khoản 9, Điều 1 Quyết định số 27/2019/UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đắk Lắk".*

Đối với Nhà số 1 (diện tích 11,4m*4m) xây dựng năm 2015, được hỗ trợ 30% giá T theo quy định tại *"Điểm 4b, Khoản 9, Điều 1 Quyết định số*

27/2019/UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đắk Lắk". Giá T còn lại của Nhà số 1 (diện tích 11,4m*4m) được xác định là 65% theo Biên bản đánh giá chất lượng còn lại ngày 07/9/2019.

Đơn gía bồi thường đối với nhà và vật kiến trúc được thực hiện đúng theo Quyết định số 07/2017/QĐ-UBND, ngày 27/3/2017 của UBND tỉnh Đắk Lắk *"V/v ban hành quy định về giá xây dựng mới nhà ở, công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk";* Quyết định số 13/2017/QĐ-UBND, ngày 16/3/2017 của UBND tỉnh Đắk Lắk *"V/v ban hành quy định giá bồi thường tài sản, vật kiến trúc trên đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk".*

- Bồi thường, hỗ trợ cây trồng:

Tại điểm 5, Khoản 9, Điều 1 Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND, ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đắk Lắk quy định *"Cây trồng gắn liền với đất không đủ điều kiện bồi thường được trồng trước khi có thông báo thu hồi đất được hỗ trợ như sau: Thời điểm sử dụng đất từ ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004 hỗ trợ bằng 80% giá T bồi thường theo đơn giá quy định hiện hành,…";*

Theo Khoản 3, Điều 4 Quyết định số 10/2020/QĐ-UBND, ngày 13/4/2020 của UBND tỉnh Đắk Lắk quy định *"Trường hợp số cây trồng vượt mật độ đến 50% so với mật độ cây trồng theo quy định tại Quyết định này thì được hỗ trợ bằng 60% đơn giá cây trồng cùng loại quy định tại Quyết định này; số cây vượt mật độ từ trên 50% đến 100% được bồi thường 30% giá T cây trồng cùng chủng loại; số cây vượt mật độ trên 100% thì không được bồi thường".*

Đối với cây trồng được trồng sau thời điểm *"UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 07/QĐ-UBND, ngày 04/01/2017"* thì không được xem xét bồi thường, hỗ trợ được căn cứ Khoản 2, Điều 92 Luật Đất đai năm 2013.

Qua Biên bản kiểm kê ngày 01/10/2019 và Biên bản xác minh nguồn gốc đất ngày 13/7/2020 thì việc xác định nguồn gốc đất; số lượng cây trồng, đường kính, phân loại cây trồng, chất lượng từng loại cây trồng, năm trồng trên đất thu hồi đã được ghi chi tiết cụ thể cho bà Nguyễn Thị V đúng quy định.

- Các chính sách hỗ trợ: Hiện nay Công ty TNHH MTV cà phê B đã giải thể; Ngày 27/12/2016, Hội đồng giải thể Công ty TNHH MTV cà phê B có Thông báo số 07/TB-HĐGT thông báo đến các hộ nhận khoán, liên kết trồng và chăm sóc cà phê với Công ty TNHH MTV cà phê B đến làm việc để đối chiếu công nợ, xác nhận diện tích nhận khoán, liên kết và thanh lý hợp đồng nhận khoán sản xuất cà phê.

Diện tích đất hộ bà Nguyễn Thị V nhận khoán đang sử dụng đã được thu hồi tại *"Quyết định số 07/QĐ-UBND, ngày 04/01/2017 của UBND tỉnh Đắk Lắk"*; giao cho UBND thành phố B quản lý. Do đó, bà Nguyễn Thị V không đủ điều kiện để

được hỗ trợ các chính sách *(hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất ...).*

- Đất tái định cư: Hộ bà Nguyễn Thị V không thuộc đối tượng thu hồi đất, có ở tại vị trí đất thu hồi. Qua xác minh điều kiện nhà ở, đất ở thì hộ bà Nguyễn Thị V đủ điều kiện được giao đất ở có thu tiền sử dụng đất theo quy định tại điểm a, Khoản 1, Điều 6 Nghị định 47/2014/NĐ-CP, ngày 15/5/2004 của Chính phủ *"a)Trường hợp thu hồi hết đất ở hoặc phần diện tích đất ở còn lại sau thu hồi không đủ điều kiện để ở theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh mà hộ gia đình, cá nhân không còn đất ở, nhà ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất ở thu hồi thì được bồi thường bằng đất ở hoặc nhà ở tái định cư".*

Từ những căn cứ trên, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 7873/QĐ-UBND ngày 09/11/2020 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu đất dọc hai bên đường G, đoạn từ N đến bùng binh Km5, Quốc lộ 26 thành phố B (đợt 1); Trong đó: Việc bồi thường chi phí vào đất còn lại, hỗ trợ nhà cửa, vật kiến trúc và cây trồng cho hộ bà Nguyễn Thị V đã được thực hiện đúng quy định.

Tôi đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xem xét không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Đình T.

3. Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị V là bà Phan Thị L trình bày:

Năm 1998 bà V có ký hợp đồng liên kết trồng cà phê với Công ty cà phê B tại hợp đồng số 313/HĐKT ngày 1/7/1998 đến 31/12/2020 với diện tích 2.650 m^2 và diện tích đo đạc thực tế là 2737,2 m^2. Do mâu thuẫn vợ chồng nên ngày 27.8.2012 bà V và ông T ly hôn. Sau khi ly hôn bà V đã giao toàn bộ diện tích đất và tài sản nhà của trên đất để ông T trực tiếp quản lý sử dụng từ đó đến nay.

Theo quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 4/1/2017 của UBND Tỉnh Đắk Lắk thu hồi toàn bộ diện tích đất trên ông T, bà V để xây dựng cơ sở hạ tầng dọc hai bên đường N19 (G nối dài) từ N đến Bùng Binh Km5 quốc lộ 26 Thành phố B.

Tháng 11/2020 Ủy Ban nhân dân thành phố B ra quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất nhưng gia đình bà V không nhận được quyết định trên mà chỉ nhận được bảng tính chi tiết bồi thường của trung tâm phát triển quỹ đất và báo ông T đến nhận số tiền bồi thường tổng cộng là 309.989.242 đồng và ông T đã nhận số tiền trên.

Ngoài ra ông T chưa nhận được các khoản bồi thường khác theo quy định của pháp luật bao gồm:

1. Tiền hỗ trợ chi phí đầu tư vào đất còn lại 10% theo quy định tại Điều 76 Luật đất đai năm 2013.

2. Tiền hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất: Theo quy định tại điểm d khoản 1; điểm a khoản 3 và khoản 5 Điều 19 nghị định 47/ 2014 của Chính Phủ.

3. Tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp tìm kiếm việc làm: Theo điểm b khoản 2 Điều 83; Điều 84 Luật đất đai năm 2013 điểm a khoản 1 Điều 20 Nghị Định 47/2014/NĐ-CP của Chính Phủ ngày 15.5.2014 và khoản 3 Điều 23 Quyết định số 39/2014 ngày 10/11/2014 của UBND tỉnh Đắk Lắk . Ông T và bà V đã ly hôn từ năm ông T được quyền quản lý sử dụng tài sản trên từ năm 2012 nghề nghiệp của ông T là làm nông nên yêu cầu xem xét cho ông T.

4. Hỗ trợ tiền di dời và thuê nhà ở: Theo quy định tại khoản 3 Điều 12 hiện tại gia đình ông T có nhà ở trên đất phải di dời và chờ cấp đất tái định cư nhưng không được hỗ trợ tiền di dời đi nơi khác và Hỗ trợ tiền thuê nhà trong thời gian chờ tạo lập chỗ ở mới là chưa đúng với quy định tại khoản 3 Điều 12 và Điều 16 nghị định 27/2019 ngày 19.12.2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

5. Hỗ trợ tái định cư*:* Theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Quyết định số 27/QĐ-UBND tỉnh Đắk Lắk ngày 19.12.2019 thì gia đình tôi được hỗ trợ đất tái định cư nhưng đến nay chúng tôi vẫn chưa nhận được thông báo.

Đối với đơn khởi kiện của ông T thì bà V đồng ý và không có ý kiến gì vì tài sản này bà đã giao cho ông T quản lý và sử dụng từ năm 2012 đến nay.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện bà Phan Thị L vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện và đề nghị HĐXX chấp nhận đơn khởi kiện của ông T.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tại phiên toà:

- Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Luật tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Qua phân tích đánh giá các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; ý kiến trình bày của đương sự, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đề nghị HĐXX áp dụng điểm b khoản 2 Điều 193 LTTHC chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đình T. Buộc UBND thành phố B phải lập phương án bồi thường theo đúng điều kiện của ông Nguyễn Đình T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; ý kiến trình bày

của các bên đương sự, ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Quá trình tham gia tố tụng ông Lê Đại T1 - Đại diện theo ủy quyền của UBND thành phố B đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông Lê Đại T1 vắng mặt tại phiên họp công khai chứng cứ, đối thoại của Tòa án. Tại phiên tòa ông Lê Đại T1 có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt người bị kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 157, khoản 2 Điều 158 Luật tố tụng hành chính.

[2]. Về thẩm quyền và thời hiệu khởi kiện: Ngày 26/9/2022 ông Nguyễn Đình T khởi kiện yêu cầu tuyên hủy một phần Quyết định số 7873/QĐ-UBND ngày 09/11/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu đất dọc hai bên đường G, đoạn từ N đến bùng binh km5, Quốc lộ 26, thành phố B đợt 1). Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật Tố tụng hành chính. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền và còn trong thời hiệu khởi kiện được quy định tại khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

[3]. Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đình T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1]. Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục: Ngày 09/11/2020, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 7873/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu đất dọc hai bên đường G, đoạn từ N đến bùng binh km5, Quốc lộ 26, thành phố B (đợt 1). là đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật.

[3.2]. Về nội dung:

[3.2.1] Về nguồn gốc đất: Đất ông T đang sử dụng là đất Nhà nước giao cho Công ty TNHH MTV cà phê Buôn Ma Thuột quản lý. Công ty TNHH MTV cà phê B ký Hợp đồng liên kết sản xuất cà phê với hộ bà Nguyễn Thị V theo Hợp đồng số 313/HĐKT tại *(Thửa đất số 46; Tờ bản đồ số 6)* phường L với diện tích đất 2.650m^2 (*thời hạn hợp đồng từ ngày 01/7/1998 đến ngày 31/12/2020*). Diện tích đo đạc theo hiện trạng 2.737,2m^2, lớn hơn diện tích hợp đồng là 87,2m^2 do trước đây Công ty TNHH MTV cà phê B ký hợp đồng đã trừ diện tích bờ lô. Năm 2012 bà V và ông T ly hôn, bà V đã giao lại toàn bộ diện tích đất cho ông T quản lý và sử dụng đến nay.

[3.2.2] Xét "Biên bản kiểm kê đất đai và tài sản bị thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án công trình: Xây dựng cơ sở hạ tầng dọc hai bên đường N19 (đường G nối dài), đoạn từ N đến bùng binh Km5, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk ngày 01/10/2019 của Trung Tâm phát triển quỹ đất thành phố B" (BL 60-63) Hội đồng xét xử thấy rằng:

Quá trình giải quyết vụ án ông T và bà V đều xác nhận: Năm 2012 ông T và bà V ly hôn, sau đó bà V đã giao toàn bộ diện tích đất mà bà V đã ký Hợp đồng liên kết sản xuất cà phê với Công ty TNHH MTV cà phê B cho ông T quản lý sử dụng từ khi ly hôn đến nay, bà không còn liên quan đến diện tích đất trên nhưng Trung Tâm phát triển quỹ đất thành phố B lại lập "*Biên bản kiểm kê đất đai vài tài sản thiệt hại khi nhà nước thu hồi đất*" với bà V là không đúng đáng lẽ ra phải lập biên bản với người trực tiếp quản lý sử dụng là ông T mới đúng quy định của pháp luật. Mặt khác, ông T là người trực tiếp quản lý sử dụng từ năm 2012 đến khi bị thu hồi, bà V không còn liên quan đến diện tích đất trên nhưng khi lập phương án bồi thường Ủy ban nhân dân thành phố B xác định bà V là người quản lý sử dụng và lập phương án bồi thường cho bà V là sai đối tượng được bồi thường. Do đó, Ủy ban nhân dân thành phố B Phải lập phương án bồi thường cho ông T chứ không phải bồi thường cho bà V.

[3.2.3] Đối với các yêu cầu tiền hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất, hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp tìm kiếm việc làm, hỗ trợ tiền di dời và thuê nhà ở và hỗ trợ tái định cư Hội đồng xét xử nhận thấy: Như đã phân tích ở trên, người trực tiếp quản lý sử dụng diện tích đất trên từ năm 2012 cho đến thời điểm bị thu hồi là ông T, không phải bà V. Tại Quyết định phê duyệt phương án bồi thường UBND thành phố B đã xem xét điều kiện của bà V để lập phương án bồi thường là không đúng mà cần xem xét điều kiện cụ thể của ông T để lập mới đúng quy định của pháp luật.

[3.2.4] Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Phan Thị L xin rút một phần đơn khởi kiện về yêu cầu hỗ trợ chi phí đầu tư vào đất còn lại 10% nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết yêu cầu này của ông Nguyễn Đình T.

Từ những phân tích nhận định ở trên cần chấp nhận một phần đơn khởi kiện của ông T. Buộc UBND thành phố B phải lập lại phương án bồi thường đúng với điều kiện cụ thể của ông T về tiền hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất, hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp tìm kiếm việc làm, hỗ trợ tiền di dời và thuê nhà ở.

[4]. Về án phí hành chính sơ thẩm:

Do được chấp nhận một phần đơn khởi kiện nên ông Nguyễn Đình T không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

UBND thành phố B phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Áp dụng khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; khoản 2 Điều 173, điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính; Luật Đất đai 2013; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[2].Tuyên xử:

[2.1]. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đình T về hỗ trợ chi phí đầu tư vào đất còn lại 10%.

[2.2] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đình T về yêu cầu hủy một phần Quyết định số 7873/QĐ-UBND ngày 09/11/2020 của Uỷ ban nhân dân thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất đối với hộ gia đình bà Nguyễn Thị V;

Buộc Uỷ ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk ban hành lại Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất đúng với điều kiện cụ thể của ông Nguyễn Đình T.

Đình chỉ

[3]. Về án phí hành chính sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Đình T được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0021970 ngày 29/9/2022 tại Cục thi hành án tỉnh Đắk Lắk.

- Ủy ban nhân dân thành phố B phải chịu 300.000đồng án phí hành chính sơ thẩm.

[4].Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- *TANDCC Đà Nẵng;*
- *VKSNDCC Đà Nẵng;*
- *VKSND tỉnh Đắk Lắk;*
- *Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu Hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Sâm